

Số: 24/2022/QĐST-DS

Huyện H, ngày 05 tháng 08 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 07 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Đồng nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1970

Bà **Trịnh Thanh G**, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đồng bị đơn: Ông **Phạm Huy U**, sinh năm 1960

Bà **Trịnh Thanh V**, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn: Ông **Phạm Hoàng L**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 60, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2022).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Võ Vũ S**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh bạc Liêu.

- **Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở giữa vợ chồng ông H, bà G với vợ chồng ông U, bà V lập ngày 20/12/2019.

- Công nhận cho vợ chồng ông H, bà G được quyền sử dụng phần đất diện tích 416,7m² tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có tứ cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất ông Bùi Văn B có cạnh dài 35,35m.
- + Hướng Tây giáp phần đất ông Lê Văn D có cạnh dài 34,65m.
- + Hướng Nam giáp phần đất ông Bùi Văn B, có cạnh dài 11,8m.
- + Hướng Bắc giáp thửa đất số 3, cạnh dài 12,0m.

Thông tin phần đất diện tích 416,7m²:

Theo hồ sơ địa chính xã L thành lập năm 1993: Nằm trong thửa 241, tờ bản đồ số 2 do ông U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo hồ sơ địa chính xã L thành lập năm 2009:

+ Nằm trong thửa D1, tờ bản đồ số 39 diện tích 10,3m² chưa có tên trên sổ mục kê do UBND xã quản lý và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

+ Nằm trong thửa 166, tờ bản đồ số 39 diện tích 406,4m² do ông U đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

- Công nhận cho vợ chồng ông H, bà G được quyền sử dụng phần đất diện tích 129,1m² tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có tứ cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất ông Phạm Văn K có cạnh dài 10,45m.
- + Hướng Tây giáp phần đất ông Lê Văn D có cạnh dài 11,25m.
- + Hướng Nam giáp thửa đất số 2, có cạnh dài 12,0m.
- + Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa số 1, cạnh dài 11,85m.

Thông tin phần đất diện tích 129,1m²:

Theo hồ sơ địa chính xã L thành lập năm 1993: Nằm trong phần đất bảo lưu ven sông Kênh Xáng N, tờ bản đồ số 2 chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Theo hồ sơ địa chính xã L thành lập năm 2009: Nằm trong thửa 163, tờ bản đồ số 39 do ông U đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

(Mẫu trích đo địa chính số 50-2021 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H là bộ phận được đính kèm Quyết định này).

- Vợ chồng H, bà G được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được công nhận nêu trên theo quy định.

- Vợ chồng ông H, bà G được toàn quyền sở hữu các tài sản có trên phần đất diện tích 416,7m² do vợ chồng ông U, bà V đầu tư xây dựng, cụ thể gồm: Nhà 1: Ngang 11,8m x dài 23,4m = 276,12m² kết cấu khung sườn cột gỗ nhóm 4, đỡ mái gỗ nhóm 4, mái tol kẽm, vách thiết, 01 phần nền láng xi măng, 01 phần nền lót gạch tàu (gạch tán). Trong nhà 1 có 1 nhà vệ sinh có hầm tự hoại và 01 hồ nước xây tường 10 cm có tô xi măng cao 0,8m, ngang 04m x dài 05m = 20m²; 01 đồng hồ nước; 01 đồng hồ điện.

- Ghi nhận ý chí tự nguyện của vợ chồng ông H, bà G đồng ý hoàn lại cho vợ chồng ông U, bà V số tiền 49.362.000 đồng từ việc ông H, bà G được Ủy ban nhân dân huyện H hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi một phần diện tích đất chuyển nhượng giữa vợ chồng ông H, bà G với vợ chồng ông U, bà V và đồng ý trả cho vợ chồng ông U, bà V số tiền còn lại từ việc nhận chuyển nhượng nhà, đất của vợ chồng ông U, bà V là

380.000.000 đồng.

- Buộc vợ chồng ông H, bà G có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông U, bà V tổng số tiền là 429.362.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- **Về chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp, photo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng số tiền là 3.853.000 đồng ông H, bà G tự nguyện chịu toàn bộ. Ông H, bà G đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền là 4.000.000 đồng, đã chi hết 3.853.000 đồng nên ông H, bà G được hoàn lại số tiền là 147.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H.

- **Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành là 150.000 đồng, ông H, bà G tự nguyện chịu toàn bộ.

Ông H, bà G đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003430 ngày 11/01/2021 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006072 ngày 05/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí 150.000 đồng. Ông H, bà G được hoàn lại tạm ứng án phí số tiền là 450.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự (5);
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện H (2b);
- CC.THADS huyện H (1b);
- Lưu H sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh